

20/2025 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH KIÊN GIANG – LUỒNG HÀ TIÊN – Độ sâu, hoa la bàn

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo số 42/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4HT001 (Phiên bản 1, cập nhật Ngày 27 tháng 02 năm 2025)

Chèn	Độ sâu	3 ₂	10°22'36.73"N	104°29'10.52"E
		6 ₄	10°22'52.57"N	104°29'27.27"E
		2 ₆	10°22'06.61"N	104°28'32.92"E
		8 ₅	10°18'19.54"N	104°25'00.12"E
		2 ₄	10°21'49.58"N	104°28'15.69"E
		2 ₈	10°22'46.53"N	104°29'22.40"E
Xoá	Độ sâu	7 ₂	10°18'18.96"N	104°24'59.48"E
		2 ₉	10°22'07.01"N	104°28'32.72"E
		1 ₇	10°22'36.49"N	104°29'10.32"E
		2 ₅	10°22'46.31"N	104°29'22.65"E
		5 ₉	10°22'52.23"N	104°29'27.03"E
		2 ₆	10°21'48.78"N	104°28'15.69"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°31'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:		10°22'00.00"N	104°26'00.00"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°31'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:		10°18'30.00"N	104°26'00.00"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°31'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:		10°19'00.00"N	104°29'00.00"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°32'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:		10°23'30.00"N	104°28'00.00"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN300034 (Phiên bản 1, cập nhật Ngày 27 tháng 02 năm 2025)

Chèn	Độ sâu	2 ₄	10°21'49.58"N	104°28'15.69"E
		2 ₈	10°22'46.53"N	104°29'22.40"E
Xoá	Độ sâu	2 ₆	10°21'48.78"N	104°28'15.69"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°31'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:		10°18'00.00"N	104°24'00.00"E

Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°29'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:	09°54'30.00"N	104°24'00.00"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 0°29'W 2025 (1'E), gần hướng Bắc của:	09°54'00.00"N	104°39'00.00"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

20/2025 – VIET NAM – KIEN GIANG SEA PORT WATER – HA TIEN CHANNEL – Depths, compass rose

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.42/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4HT001 (Edition No. 1, updated on February 27th, 2025)

Insert	Depth	3 ₂	10°22'36.73"N	104°29'10.52"E
		6 ₄	10°22'52.57"N	104°29'27.27"E
		2 ₆	10°22'06.61"N	104°28'32.92"E
		8 ₅	10°18'19.54"N	104°25'00.12"E
		2 ₄	10°21'49.58"N	104°28'15.69"E
		2 ₈	10°22'46.53"N	104°29'22.40"E
Delete	Depth	7 ₂	10°18'18.96"N	104°24'59.48"E
		2 ₉	10°22'07.01"N	104°28'32.72"E
		1 ₇	10°22'36.49"N	104°29'10.32"E
		2 ₅	10°22'46.31"N	104°29'22.65"E
		5 ₉	10°22'52.23"N	104°29'27.03"E
		2 ₆	10°21'48.78"N	104°28'15.69"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°31'W 2025 (1'E), close N of:		10°22'00.00"N	104°26'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°31'W 2025 (1'E), close N of:		10°18'30.00"N	104°26'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°31'W 2025 (1'E), close N of:		10°19'00.00"N	104°29'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°32'W 2025 (1'E), close N of:		10°23'30.00"N	104°28'00.00"E

Chart affected – VN300034 (Edition No. 1, updated on February 27th, 2025)

Insert	Depth	2 ₄	10°21'49.58"N	104°28'15.69"E
		2 ₈	10°22'46.53"N	104°29'22.40"E
Delete	Depth	2 ₆	10°21'48.78"N	104°28'15.69"E

Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°31'W 2025 (1'E), close N of:	10°18'00.00"N	104°24'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°29'W 2025 (1'E), close N of:	09°54'30.00"N	104°24'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 0°29'W 2025 (1'E), close N of:	09°54'00.00"N	104°39'00.00"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
